

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/HNGĐ-ST
Ngày 27 – 4 – 2022
V/v “Tranh chấp xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Thanh Tâm.

Ông Nguyễn Xuân Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Thế Bắc là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2021/TLST–HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021 về: “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐXXST–HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2022/QĐST- HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Mai Văn T, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn R, huyện N, tỉnh C.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Tú H, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn R, huyện N, tỉnh C.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 14/12/2021 nguyên đơn ông Mai Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Tú H kết hôn trên tinh thần tự nguyện sau đó có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn R, huyện N, tỉnh C. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, vợ chồng chung sống không hòa

hợp, gia đình đã hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả, hiện vợ chồng đã ly thân khoảng 02 năm nay. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài được nữa nên yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Tú H.

Về nuôi con chung: Không có con chung.

Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Tú H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thông báo cho biết việc ông T khởi kiện tại Tòa án nhưng bà H không có ý kiến gì đối với yêu cầu của ông T và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Tại phiên tòa: Ông T có mặt vẫn bảo lưu quan điểm. Bà H vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Mai Văn T khởi kiện xin ly hôn với bà Nguyễn Tú H, địa chỉ: Khóm 4, thị trấn R, huyện N, tỉnh C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bà Nguyễn Tú H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Ông Mai Văn T và bà Nguyễn Tú H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 76 ngày 16/10/2017 tại Ủy ban nhân dân thị trấn R, huyện N, tỉnh C nên hôn nhân giữa ông T và bà H là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Ông T xác định nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, sống với nhau không hạnh phúc, đã hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả nên ông T yêu cầu được ly hôn. Đối với bà H đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng thông báo việc ông T xin ly hôn nhưng bà H không có ý kiến gì đối với yêu cầu của ông T. Xét thấy, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của ông T và bà H là có xảy ra, giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho ông bà. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T, ông T được ly hôn với bà H.

[2.2] Về nuôi con chung: Không có con chung.

[2.3] Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông T phải chịu 300.000 đồng. Ông T đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0019897 ngày 23 tháng 12 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N được chuyển thu.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Mai Văn T đối với bà Nguyễn Tú H. Ông Mai Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Tú H.

Về nuôi con chung: Không có con chung.

Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Mai Văn T phải chịu 300.000 đồng. Ông Mai Văn T đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0019897 ngày 23 tháng 12 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - VKSND huyện N;
 - Chi cục THADS huyện N;
 - TAND tỉnh C;
 - UBND thị trấn R, huyện N;
- (Giấy CNKH số 76 ngày 16/10/2017)
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Như